TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 394/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 6, ngày 30 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự số 799/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 giữa:

- Bà Nguyễn Thị Hồng T, Sinh năm: 1977

Địa chỉ: 1102/3 đường LG, Phường G, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Thiệu Văn H, Sinh năm: 1972

Địa chỉ: 1102/3 đường LG, Phường G, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 2 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 54, 55, 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Hồng T và Ông Thiệu Văn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng T và Ông Thiệu Văn H thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Có hai con chung là Thiệu Thị Ngọc S, sinh ngày 11/4/1996 đã trưởng thành và Thiệu Nguyễn Minh G sinh ngày 12/01/2007. Hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng

giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 43, Quyển số 01/95 do Ủy ban nhân dân Phường G, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 6 năm 1995 không còn giá trị pháp lý.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng T tự nguyện chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010587 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Hồng T được nhận lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q6;
- Chi Cục THADS Q.6;
- UBND P.G, Q.6;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lại Thị Bình Minh